

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng giữa anh T và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Ông Nguyễn Văn Quỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

Ngày 29-6-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-6-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đan Đình T, sinh năm 1976

Nơi cư trú tại: Tổ dân phố P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1974

Nơi cư trú tại: Tổ dân phố P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa anh T, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, do tại thời điểm đó anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H bỏ nhà đi ở nơi khác, hai người không sống cùng nhau từ năm 2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Đan Thủy T, sinh ngày 03-4-1995 và Đan Việt A, sinh ngày 22-11-1996. Các con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Hai người phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2019 và không ở cùng nhau từ thời điểm đó tới nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H xác nhận có hai con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập như anh T trình bày; không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Theo qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09-6-2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không mâu thuẫn với Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đan Đình T và chị Nguyễn Thu H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng từ thời gian đó đến nay anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã bỏ đi ở nơi khác, không còn quan tâm đến nhau; chị H cũng xác nhận không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xá thành phố Nam Định cũng đã xác nhận anh T và chị H không có đăng ký kết hôn. Xét thấy anh Đan Đình T và chị Nguyễn Thu H bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 khi anh T chưa đủ tuổi được kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn, đến khi có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện tình trạng sống chung như vợ chồng giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn sống cùng nhau. Vì vậy cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H là phù hợp với Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là Đan Thủy T, sinh năm 1995 và Đan Việt A, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nhà đất, công nợ chung và các loại tài sản: Anh Đan Đình T và chị Nguyễn Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí sơ thẩm: Anh Đan Đình T phải nộp theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đan Đình T và chị Nguyễn Thu H.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Đan Đình T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002933, ngày 26-5-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

3. Anh Đan Đình T, chị Nguyễn Thu H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường M,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Khánh